MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – TOÁN 6

A. BẢNG MA TRẬN ĐỀ.

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phân số	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	Câu 1 Câu 2								5
		Các phép tính với phân số				Bài 1a (0,75đ) Bài 2a (0,5đ) Bài 3 (1,5đ)				Bài 4 (1đ)	37,5
2	Số thập phân	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	Câu 3 Câu 4 Câu 5					Bài 1b (1đ) Bài 5 (1đ)			27,5
3	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	Câu 6								2,5
		Hình có tâm đối xứng. Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	Câu 7								2,5
4	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia	Câu 8								2,5
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng				Bài 6ab (1,5đ)					15
5	Một số yếu tố xác suất	Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản				Bài 2b (0,75đ)					7,5
Tổng: Số câu Điểm			8 2			6 5		2 2		1 1	19 10,0
Tỉ lệ %			**20**		**50**		**20**		**10**		**100%**
Tỉ lệ chung			**70%**				**30%**				**100%**

B. BẢN ĐẶC TẢ

STT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận Biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	**Phân số**	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	**Nhận biết:** – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được số đối của một phân số.	TN Câu 1 TN Câu 2			
		Các phép tính với phân số	**Thông hiểu:** – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).		TL Bài 1a TL Bài 2a TL Bài 3		
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.				TL Bài 4
2	**Số thập phân**	Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	Nhận biết: – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. – So sánh được hai số thập phân cho trước.	TN Câu 3 TN Câu 4 TN Câu 5			
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.			TL Bài 1b TL	

			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).			Bài 5	
3	**Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên**	Hình có trục đối xứng	Nhận biết: – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	TN Câu 6			
		Hình có tâm đối xứng	***Nhận biết:*** – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	TN Câu 7			
4	**Các hình hình học cơ bản**	**Điểm, đường thẳng, tia**	**Nhận biết:** – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.	TN Câu 8			

			– Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được khái niệm tia.				
		Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	**Thông hiểu:** -Giải thích được trung điểm của đoạn thẳng, -Tính được độ dài đoạn thẳng.		TL Bài 6ab		
5	**Một số yếu tố xác suất**	**Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản**	**Thông hiểu:** – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.		TL Bài 2b		
Tổng số câu			20	10	5	4	1
Tỉ lệ %			100	30	40	20	10
Tỉ lệ chung				70		30	

C. ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN TOÁN 6.

UBND HUYỆN CỦ CHI
TRƯỜNG THCS PHƯỚC HIỆP

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
Năm học: 2024–2025
MÔN: TOÁN – LỚP: 6

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. ***(2,0 điểm)*** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng**.** Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Cách viết nào cho ta một phân số:

A. $\frac{3,6}{-5}$ **B.** $\frac{-5}{9}$ **C.** $\frac{-2}{0}$ **D.** $-8,4$

Câu 2. Số đối của $\frac{-10}{-7}$ là:

A. $\frac{-10}{-7}$. **B.** $\frac{-7}{-10}$. **C.** $\frac{-10}{7}$. **D.** $\frac{-7}{10}$.

Câu 3 : Trong các số sau đây số nào nhỏ hơn $-0,123$?

A. $-0,12$.– 100 **B.** $-0,1234$ **C.** $0,123$.– 150 **D.** $0,12$

Câu 4. Làm tròn số 69,283 đến chữ số thập phân thứ hai ta được

A. 69,28 B. 69,29 C. 69,30 D. 69,284

Câu 5. Làm tròn chữ số thập phân 12,345 đến hàng đơn vị

A. 123,45 **B.** 12 **C.** 12,3 **D.** 12,34

Câu 6. Trong các hình bên, những hình có tâm đối xứng là:

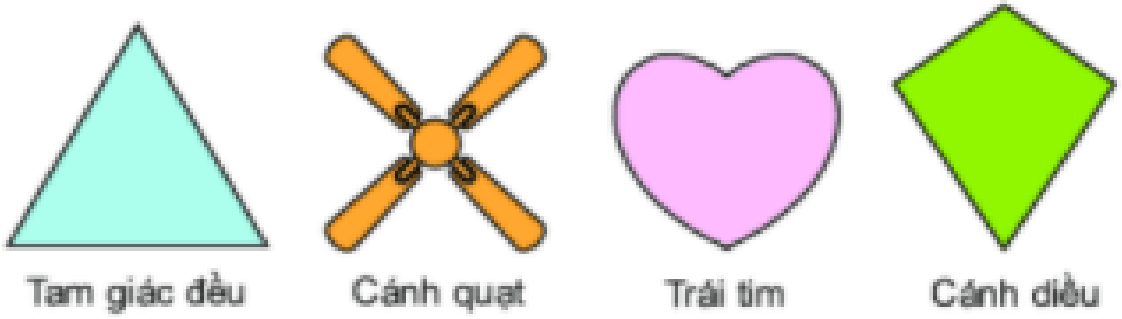

A. Tam giác đều **B**. Cánh diều **C**. Trái tim **D**. Cánh quạt

Câu 7. Hình nào dưới đây có trục đối xứng?

A. Hình a), Hình b), Hình c)

B. Hình a), Hình c), Hình d)

C. Hình b), Hình c), Hình d)

D. Hình a), Hình c)

Câu 8: Kể tên các tia trong hình vẽ sau

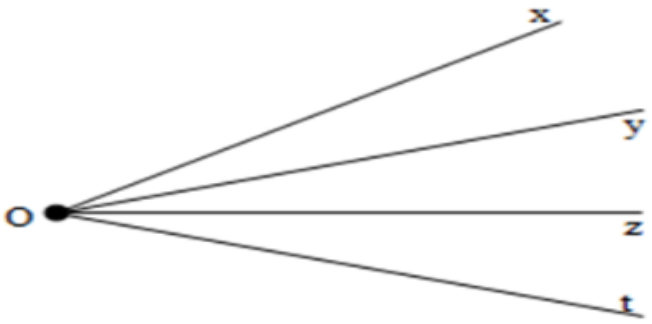

A.Ox

B.xO, yO, zO, tO

C.Ox, Oy, Ot

D.Ox, Oy, Oz, Ot

Phần II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1. *(1,75 điểm)* Thực hiện phép tính:

a) $\frac{-5}{12}+\frac{-7}{8}$

b) $\left(\frac{7}{8}-0,75\right)\div\frac{-5}{6}$

Bài 2. *(1,25 điểm)*

a)Tìm x: $\frac{1}{2}x-5=\frac{-1}{4}$

b) Bình gieo một con xúc xắc 6 mặt trong 30 lần liên tiếp và ghi lại kết quả trong bảng sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	5	4	7	6	4	4

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện:

A: "Gieo được mặt 4 chấm"

B: "Số chấm gieo được là số chấm lẻ"

Bài 3. *(1,5 điểm)*

Bạn Khang có 20 cái bánh. Khang chia cho Ý $\frac{2}{5}$ số bánh của mình, sau đó tiếp tục chia $\frac{1}{3}$ số bánh còn lại cho Mai. Hỏi cuối cùng, Khang còn bao nhiêu cái bánh?

Bài 4. *(1 điểm)*

Một miếng đất có diện tích dùng đẻ trồng 3 loại hoa: hướng dương, hồng, cúc. Diện tích trồng hoa hướng dương bằng $\frac{3}{4}$ diện tích trồng hoa hồng và bằng $\frac{2}{3}$ diện tích trồng hoa cúc. Tính diện tích của miếng đất, biết diện tích trồng hoa hồng là 80 m^2 .

Bài 5. (*1 điểm)*

Lãi suất tiền gửi kì hạn một năm của một ngân hàng là 7,4%. Bác An gửi 150 triệu đồng vào ngân hàng đó. Sau một năm, bác An rút cả vốn lẫn lãi thì nhận được bao nhiêu tiền?

Bài 6. *(1,5 điểm)*

Vẽ tia Ax, trên tia Ax lấy điểm N và điểm M sao cho AN = 3 cm, AM = 6 cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng NM.
b) Điểm N có phải là trung điểm của đoạn thẳng AM không. Vì sao?

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM

I.TRẮC NGHIỆM: *(2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	**B**	**C**	**B**	**A**	**B**	**D**	**B**	**D**

II. TỰ LUẬN: *(8,0 điểm)*

Bài	**Hướng dẫn giải**	**Điểm**
1a	$\frac{-5}{12}+\frac{-7}{8}=\frac{-10}{24}+\frac{-21}{24}$ $=\frac{-31}{24}$	**0,25 x 2** **0,25**
1b	$\left(\frac{7}{8}-0,75\right)\div\frac{-5}{6}$ $=(\frac{7}{8}-\frac{3}{4}):\frac{-5}{6}=(\frac{7}{8}-\frac{6}{8}):\frac{-5}{6}=\frac{1}{8}:\frac{-5}{8}=\frac{1}{8}.\frac{8}{-5}=\frac{-1}{5}$ **(mỗi bước đúng 0,25đ)**	**0,25 x 4**
2a	$\frac{1}{2}x-5=\frac{-1}{4}$ $\frac{1}{2}x=\frac{-1}{4}+5$ $\frac{1}{2}x=\frac{19}{4}$ $x=\frac{19}{4}:\frac{1}{2}=\frac{19}{2}$	**0,25** **0,25**
2b	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 4 chấm là : $\frac{6}{30}=\frac{1}{5}$	**0,25**

	Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm lẻ là : $\frac{5+7+4}{30}=\frac{16}{30}=\frac{8}{15}$	**0,25x2**
3	Sau khi chia cho Ý, Khang còn $20-\frac{2}{5}.20=12$ (cái bánh) Sau đó tiếp tục chia $\frac{1}{3}$ số bánh còn lại cho Mai, Khang còn $12-\frac{1}{3}.12=8$ (cái bánh). Vậy cuối cùng, Khang còn 8 cái bánh.	**0,25+0,5** **0,25+0,5**
4	Diện tích trồng hoa hướng dương là: $80.\frac{3}{4}=60$ m^2 Diện tích trồng hoa cúc là: $60:\frac{2}{3}=90$ m^2 Diện tích của miếng đất là: 80 + 60+ 90 = 230 m^2	**0,25** **0,25** **0,5**
5	Tiền lãi bác An nhận được là: $150.\frac{7,4}{100}=\frac{150.7,4}{100}=\frac{1110}{100}=11,1$ (triệu đồng) Sau một năm, bác An rút cả vốn lẫn lãi thì nhận được số tiền là: 150 + 11, 1 = 161,1 (triệu đồng) Vậy sau một năm, bác An nhận được số tiền cả vốn lẫn lãi là 161,1 triệu đồng.	**0,5** **0,5**
6	a/ HS vẽ hình đúng Ta có : AN + NM = AM 3 + NM = 6 NM = 6 – 3 NM = 3 cm. b/Vì N nằm giữa A và M đồng thời AN = NM (= 3cm) nên N là trung điểm của đoạn thẳng AM.	**0,5** **0,5** **0,5**